

# **ĐÔ THỊ HÓA VỚI VẤN ĐỀ PHÂN HÓA THU NHẬP VÀ NGHÈO ĐÓI**

**Trần Thị Thu Trang**

*Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê-TCTK*

**Thời gian qua, với sự phát triển của quá trình đô thị hóa đã đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, thay đổi sự phân bố dân cư, tỷ lệ dân số thành thị trong tổng dân số ngày càng tăng... Từ những sự biến đổi đó đã có tác động không nhỏ tới phân hóa thu nhập và nghèo đói.**

## **Đô thị hóa và phân hóa thu nhập**

Theo số liệu của Bộ Xây dựng, tính đến tháng 10/2023, cả nước có 902 đô thị. Trong đó, có 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; 22 đô thị loại I; 36 đô thị loại II; 45 đô thị loại III; 94 đô thị loại IV; 703 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng hơn 42,6% so với năm 1998. Theo đánh giá của các chuyên gia, sự phát triển của mạng lưới đô thị trong cả nước đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng ở mức cao, bình quân tăng 12-15%/năm, gấp 1,2 đến 1,5 lần tăng trưởng của nền kinh tế, đóng góp khoảng 70% GDP cả nước. Trong đó, 5 thành phố trực thuộc Trung ương mặc dù chỉ chiếm 2,9% về diện tích và khoảng 22% về dân số nhưng năm 2020 đã đóng góp tới 46,8% tổng GDP, thu hút 30% tổng số vốn FDI lũy kế, 32,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Năng suất lao động của các thành phố lớn tại Việt Nam cao hơn mức trung bình của cả nước; Chất lượng đô thị được nâng cao theo hướng đồng bộ đáp ứng



nhu cầu về môi trường sống và hiệu quả làm việc tăng. Phát triển đô thị đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống người dân.

Kết quả thống kê cho thấy, những năm qua, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng ở nước ta có sự thay đổi đáng kể, tăng từ 1.387 nghìn đồng năm 2010 lên gần gấp đôi vào năm 2014. Trong năm 2016, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng chung cả nước theo giá hiện hành đạt khoảng 3.098 nghìn đồng, tăng 17,5% so với năm 2014, tăng bình quân 8,4% một năm

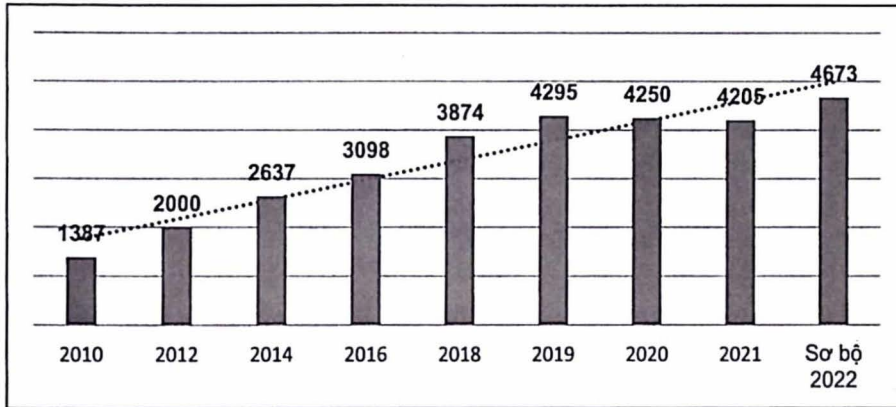
trong thời kỳ 2014-2016. Năm 2018, mức thu nhập này đạt 3.874 nghìn đồng gấp 2,8 lần năm 2010, tương đương với mức tăng 2.487 nghìn đồng. Năm 2019, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội với mức thu nhập bình quân đầu người 1 tháng đạt 4.295 nghìn đồng, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, gấp 2,3 lần năm 2012, tương đương tăng 2.295 nghìn đồng.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thu nhập của người dân giảm, đạt 4.250 nghìn đồng, giảm khoảng 1% so với năm 2019, tương đương

giảm 45 nghìn đồng. Đến năm 2021, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng chỉ đạt 4.205 nghìn đồng, giảm 45 nghìn đồng so với năm 2020 và giảm 90 nghìn đồng so với năm 2019. Bình quân mỗi năm trong thời kỳ 2016-2020, thu nhập người/tháng chung cả nước tăng 8,2%.

Thu nhập thực tế (thu nhập sau khi loại trừ yếu tố tăng giá) của thời kỳ 2010-2016 tăng bình quân 6,7%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân 4%/năm của thời kỳ 2016-2022. Tính chung thời kỳ 2010-2022, thu nhập thực tế bình quân 1 người 1 tháng tăng 5,2%/năm.

**Hình 1: Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của người dân Việt Nam Giai đoạn 2010-2022**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, khoảng cách về thu nhập giữa thành thị và nông thôn ngày càng được thu hẹp. Năm 2010, thu nhập khu vực thành thị đạt 2.130 nghìn đồng, gấp 2 lần khu vực nông thôn và gấp 1,9 lần năm 2002. Năm 2014, 2016 và 2018, thu nhập ở khu vực thành thị và nông thôn đều tăng so với những năm trước và thu nhập ở khu vực thành thị, gấp 1,9 lần nông thôn; năm 2019, 2020 thu nhập ở khu vực thành thị gấp lần lượt là 1,8 lần và 1,6 lần khu vực nông thôn; đến năm 2021 và 2022 giảm xuống còn 1,5 lần.

Xét theo giá trị tuyệt đối, khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn ngày một tăng: Năm 2012 thu nhập bình quân đầu người 1 tháng khu vực thành thị là 2.989 nghìn đồng, cao hơn 1.410 nghìn đồng so với khu vực nông thôn; năm 2018, khu vực thành thị đạt 5.623 nghìn đồng, có mức tăng cao nhất là 2.633 nghìn đồng so với khu vực nông thôn; năm 2021 mức tăng này giảm xuống còn 1.903 nghìn đồng và năm 2022 là 2.081 nghìn đồng.

Năm 2019 và 2020 do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, thu nhập bình quân đầu người giảm, đến năm 2022, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng đã có xu hướng tăng trở lại như các năm từ 2019 trở về trước, tăng đều ở cả thành thị và nông thôn. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2022 theo giá hiện hành đạt 4,67 triệu đồng, tăng 11,1% so với năm 2021 (trong đó ở khu vực thành thị đạt gần 5,95 triệu đồng, tăng 10,3%; khu vực nông thôn là 3,86 triệu đồng, tăng 10,8%).

Do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế-xã hội nên tốc độ đô thị hóa cũng như thu nhập bình quân một người 1 tháng cũng có sự khác biệt giữa các vùng miền. Trong 6 vùng,

Đông Nam Bộ là vùng luôn có thu nhập cao nhất cả nước. Năm 2012, thu nhập bình quân của khu vực này là 3.173 nghìn đồng, năm 2022 đạt 6.334 nghìn đồng, gấp gần 2 lần năm 2012. Tiếp đến là vùng đồng bằng sông Hồng, năm 2022 đạt 5.586 nghìn đồng. Vùng có thu nhập bình quân 1 người 1 tháng thấp nhất là Trung du và miền núi phía Bắc đạt 3.170 nghìn đồng, thấp hơn 2.416 nghìn đồng so với khu vực đồng bằng sông Hồng và thấp hơn 3.164 nghìn đồng so với khu vực Đông Nam Bộ.

Đô thị hoá gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã trực tiếp góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng giá trị nông, lâm, thủy sản trong tổng thu nhập quốc dân trong nước GDP và tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ. Do đó, trong cơ cấu nguồn thu, thu nhập từ tiền công, tiền lương và thu nhập từ lĩnh vực phi nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng lên, thu nhập từ hoạt động nông, lâm, thủy sản giảm dần. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản luôn thấp nhất trong cơ cấu thu.

Năm 2010, thu nhập bình quân một người 1 tháng từ hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 279 nghìn đồng, từ hoạt động phi nông lâm nghiệp và thủy sản đạt 328 nghìn đồng và thu từ tiền lương, tiền công đạt 622 nghìn đồng. Năm 2016, thu nhập từ hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 510 nghìn đồng, tăng 231 nghìn đồng so với năm 2010; thu từ hoạt động phi nông, lâm nghiệp và thủy sản là 748 nghìn đồng, tăng 420 nghìn đồng; thu từ tiền lương, tiền công đạt 1.487 nghìn đồng, tăng 856 nghìn đồng, tương đương gấp 2,4 lần năm 2010.

Trong tổng thu nhập năm 2020, tỷ trọng thu từ tiền lương, tiền công chiếm 55,3%, thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 11,2%, thu từ hoạt động tự làm phi nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 22,9%, thu khác chiếm 10,6%. Cơ cấu thu nhập qua các năm đã có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ hơn, trong đó tỷ trọng thu từ tiền lương, tiền công ngày càng tăng, ngược lại tỷ trọng thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng giảm, kết quả này phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu trong việc làm.

Năm 2022, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng từ tiền lương, tiền công đạt 2600 nghìn đồng, tăng 8,2% so với năm 2021; thu từ nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 474 nghìn đồng, tăng 4,3%; thu từ phi nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 1.118 nghìn đồng, tăng 15,9%, thu từ các nguồn thu khác đạt 504 nghìn đồng, tăng 24,7%.

Cơ cấu thu nhập đang chuyển dịch theo hướng ngày càng tiến bộ hơn. Tỷ trọng các khoản thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản có xu hướng ngày càng giảm, giảm từ 20,1% trong năm 2010 xuống còn 16,5% trong năm 2016 và giảm xuống còn 10,1% trong năm 2022. Thu nhập từ hoạt động phi nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 35% năm 2010 lên 35,5% năm 2016 và đến năm 2022 là 34,7%. Thu nhập từ tiền lương, tiền công chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng lên qua các năm. Thu nhập từ nguồn này tăng từ 44,9% năm 2010 lên 48% năm 2016 và tăng đến 55,2% năm 2022. Năm 2022, tỷ trọng các khoản thu từ tiền lương, tiền công có giảm nhẹ so với năm 2021 (giảm 1,5 điểm phần trăm) nhưng vẫn duy trì ở mức cao (55,2%).

Sự phân hóa thu nhập giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất cũng có sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền trong cả nước. Năm 2010, thu nhập của nhóm thu nhập cao nhất gấp 9,2 lần nhóm có thu nhập thấp nhất, năm 2016 gấp 9,8 lần và sự phân hóa này giảm dần trong các năm 2018, 2020 và 2022 lần lượt là 10 lần, 8,1 lần và 7,6 lần. Trong năm 2016, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ nghèo nhất (nhóm thu nhập 1) đạt 771 nghìn đồng, tăng 13,6%; của nhóm hộ giàu nhất (nhóm thu nhập 5) đạt 7.547 nghìn đồng, tăng 16,7% so với năm 2014.

Sự phân hóa thu nhập thể hiện rõ rệt nhất ở khu vực Trung du và miền núi phía Bắc: Năm 2012, chênh lệch là 7,6 lần, năm 2018 đạt cao nhất là 9,7 lần và đến năm 2022 là 8,8 lần. Đông Nam Bộ là vùng có chênh lệch giàu nghèo nhỏ nhất năm 2020 thấp nhất cả nước là 4,4 lần và năm 2022 là 5,5 lần.

**Đô thị hóa và sự phân hóa giàu nghèo**

Có thể thấy, quá trình đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đưa nền sản xuất vật chất và đời sống văn hóa - xã hội của đất nước lên trình độ mới. Công nghiệp hóa giúp đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Giai đoạn 2011-2015, chuẩn nghèo của Chính phủ tính theo thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của hộ gia đình được cập nhật theo chỉ số giá tiêu dùng như sau: Năm 2010 là 400 nghìn đồng đối với khu vực nông thôn và 500 nghìn đồng đối với khu vực thành thị; tương tự, năm 2013 là 570 nghìn đồng và 710 nghìn đồng; năm 2014 là 605 nghìn đồng và 750 nghìn đồng; năm 2015 là 615 nghìn đồng và 760 nghìn đồng; năm 2016 là 630 nghìn đồng và 780 nghìn đồng. Kết quả thống kê cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 14,2% năm 2010 xuống 5,8% năm 2016, giảm 1,2 điểm phần trăm so với năm 2015 và giảm 8,4 điểm phần trăm so với năm 2010.

**Bảng 1: Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2010-2016 phân theo vùng (%)**

	2010	2012	2013	2014	2015	2016
<b>Cả nước</b>	<b>14,2</b>	<b>11,1</b>	<b>9,8</b>	<b>8,4</b>	<b>7,0</b>	<b>5,8</b>
Đồng bằng sông Hồng	8,3	6,0	4,9	4,0	3,2	2,4
Trung du và miền núi phía Bắc	29,4	23,8	21,9	18,4	16,0	13,8
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	20,4	16,1	14,0	11,8	9,8	8,0
Tây Nguyên	22,2	17,8	16,2	13,8	11,3	9,1
Đông Nam Bộ	2,3	1,3	1,1	1,0	0,7	0,6
Đồng bằng sông Cửu Long	12,6	10,1	9,2	7,9	6,5	5,2

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Từ năm 2016, khái niệm về nghèo được mở rộng, một đối tượng được coi là nghèo hay không nghèo, ngoài dựa vào mức thu nhập/chi tiêu, người ta còn quan tâm đến những yếu tố để đảm bảo quyền cũng như nhu cầu cơ bản của con người như giáo dục, y tế, điều kiện sinh hoạt... Chính vì vậy, Việt Nam đã chuyển tiếp cận nghèo từ nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều để đánh giá một cách toàn diện tình trạng nghèo, làm cơ sở để ban hành các chính sách giảm nghèo phù hợp